

Bản án số: 479/2026/DS-ST
Ngày: 12-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Thuận.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 900/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 579/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 540 ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1980; thường trú: Lê Văn V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: khu phố Đ, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Trọng N, sinh năm 1995 và bà Võ Thu H, sinh năm 1994; Cùng địa chỉ: Nguyễn Thị T, khu phố P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2026, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Giữa bà H với vợ chồng ông N, bà H là hàng xóm láng giềng với nhau (nhà cách nhau vài bước chân). Năm 2021, khi đang mùa dịch bệnh vợ chồng ông N, bà H đến nhà bà năn nỉ để mượn đỡ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hẹn 01 tháng sẽ trả. Vì nghĩ tình chòm xóm trong lúc khó khăn cho mượn để vợ chồng ông N xoay sở, do đó ngày 01/9/2021 ông N và bà H đến nhà bà H viết giấy vay tiền, ký tên lẫn tay và bà H đưa cho ông N và bà H 100.000.000đ và không tính lãi suất gì cả và cũng không thể chấp tài sản gì.

Ngay sau khi lấy được 100.000.000đ, không bao lâu sau thì ông N và bà H đã dọn nhà về ở bên phía gia đình ông N, bỏ số điện thoại nên bà không liên lạc được, bà tìm hiểu thì được biết vợ chồng ông N nợ rất nhiều người, có cả những người thân trong gia đình nhưng hoàn toàn không trả cho ai. Lúc đó, bà có tìm đến

mẹ của bà H thì mẹ của bà H năn nỉ xin cho thời gian từ từ bà H sẽ trả. Thế nhưng, chờ mãi không thấy bà H và ông N trả, bà tìm đến thì mẹ của bà H thách thức nếu chờ không được thì cứ đi thưa nên bà mới làm đơn khởi kiện.

Do đó bà yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H phải liên đới trả cho bà số tiền gốc 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy vay tiền đề ngày 01/9/2021; căn cước công dân bản photo của ông N, bà H; bức hình chụp vợ chồng ông N lúc nhận tiền.

Đối với bị đơn ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H:

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

*** Tại phiên tòa:**

- Các đương sự vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các qui định tại điều 203 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu trả số tiền bị đơn còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 01/9/2021 bà Nguyễn Thị Tuyết H đã giao cho ông Lê Trọng N và bà Võ TThu H số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay tiền được các bên lập thành giấy vay tiền đề ngày 01/9/2021 có chữ ký, điểm chỉ của ông N và bà H. Nguyên đơn còn cung cấp bản sao căn cước công dân của ông N, bà H và hình ảnh chụp thời điểm hai bị đơn nhận tiền.

Theo nội dung giấy vay tiền, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay, không thỏa thuận về lãi suất. Như vậy, đến hạn trả nợ thì ông N và bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H số tiền đã vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H đều không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bác bỏ nội dung khởi kiện hoặc chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H với ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H đã xác lập hợp đồng vay tài sản ngày 01/9/2021 với số tiền vay là 100.000.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn cam kết nhưng ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H vẫn không thanh toán số tiền vay cho bà Nguyễn Thị Tuyết H, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H liên đới trả số tiền gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 91, 147, 179, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) đối với ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H.

Buộc ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H có trách nhiệm liên đới trả cho bà

Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Trọng N và bà Võ Thu H có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0024039 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP.HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh